

EY

Building a better
working world



Công ty Cổ phần Siêu Thanh

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Siêu Thanh

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9 - 23

SI

Công ty Cổ phần Siêu Thanh

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 169/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là mua bán thiết bị văn phòng, máy photocopy, vật tư và phụ tùng ngành in, máy fax, thiết bị máy công nghiệp khai khoáng - lâm nghiệp - xây dựng và linh kiện phụ tùng; thiết bị điện, vật liệu điện, thiết bị chữa cháy và quản lý đầu tư.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số A20 Tân Phong Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Yung Cam Meng	Chủ tịch	
Ông David Cam Hao Ong	Phó Chủ tịch	
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Thành viên	
Ông Lê Văn Hà	Thành viên	
Ông Nguyễn Hữu Nam	Thành viên	
Ông Võ Văn Chính	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Nhu	Thành viên	miễn nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Thanh Hương	Trưởng ban	
Bà Cái Kim Thoa	Thành viên	
Bà Nguyễn Hồng Cúc Phương	Thành viên	miễn nhiệm ngày 6 tháng 6 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Yung Cam Meng	Tổng Giám đốc	
Ông David Cam Hao Ong	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Đinh Thị Hồng Vân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc	bỏ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Đình Nhu	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 8 tháng 6 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Yung Cam Meng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Siêu Thanh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Yung Cam Meng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61194318/19357828/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Siêu Thanh

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm theo của Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty"), được lập ngày 25 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 23, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 để đáp ứng các quy định về công bố thông tin hiện hành. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Yoong Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số 1891-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		60.702.084.269	58.297.657.893
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	36.587.245.185	50.074.441.446
111	1. Tiền		172.285.190	142.852.618
112	2. Các khoản tương đương tiền		36.414.959.995	49.931.588.828
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		24.114.839.084	8.116.744.196
131	1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	5	2.222.683.600	524.850.001
135	2. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	5.070.000.000	7.130.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	16.822.155.484	461.894.195
150	III. Tài sản ngắn hạn khác		-	106.472.251
153	1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	-	106.472.251
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		223.393.693.977	226.272.572.464
210	I. Phải thu dài hạn		-	622.125.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		-	622.125.000
230	II. Bất động sản đầu tư	8	80.466.376.458	81.681.857.232
231	1. Nguyên giá		98.106.027.611	98.106.027.611
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(17.639.651.153)	(16.424.170.379)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	9	142.908.143.519	143.891.916.732
251	1. Đầu tư vào các công ty con		137.312.000.000	137.312.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.080.800.000	8.080.800.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.484.656.481)	(1.500.883.268)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		19.174.000	76.673.500
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		19.174.000	76.673.500
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		284.095.778.246	284.570.230.357

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.796.209.301	7.040.544.860
310	I. Nợ ngắn hạn		5.712.438.301	5.956.773.860
312	1. Ứng trước cho người bán ngắn hạn		795.300.000	795.300.000
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	10	942.048.746	844.235.415
314	3. Phải trả người lao động		-	252.369.200
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		20.000.000	20.000.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	11	290.696.832	380.476.522
322	6. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.664.392.723	3.664.392.723
330	II. Nợ dài hạn		1.083.771.000	1.083.771.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	11	1.083.771.000	1.083.771.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		277.299.568.945	277.529.685.497
410	I. Vốn chủ sở hữu	12.1	277.299.568.945	277.529.685.497
411	1. Vốn cổ phần		257.209.020.000	197.855.490.000
	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		257.209.020.000	197.855.490.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		20.090.548.945	79.674.195.497
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		535.116.497	30.763.531.643
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		19.555.432.448	48.910.663.854
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		284.095.778.246	284.570.230.357

Vũ Thùy Minh Yến
Người lập

Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng



Yung Gam Mieng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.1	5.995.995.632	3.874.909.090
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	13.1	185.010.545	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	13.1	5.810.985.087	3.874.909.090
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	14	3.118.073.903	1.135.488.774
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.692.911.184	2.739.420.316
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	13.2	20.100.681.433	24.829.144.509
22	7. Chi phí tài chính	15	983.773.213	(874.188.790)
25	8. Chi phí bán hàng		-	382.043.100
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16	2.016.955.718	1.446.392.193
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.792.863.686	26.614.318.322
31	11. Thu nhập khác		55.000.000	60.158.005
32	12. Chi phí khác		-	326.191.351
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác		55.000.000	(266.033.346)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		19.847.863.686	26.348.284.976
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.1	292.431.238	808.495.265
60	16. Lợi nhuận thuần sau thuế		19.555.432.448	25.539.789.711



Vũ Thùy Minh Yên
Người lập



Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng



Yung Cam Meng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		19.847.863.686	26.348.284.976
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Hao mòn		1.215.480.774	1.240.448.774
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		983.773.213	(883.089.388)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(20.093.983.865)	(24.855.008.568)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.953.133.808	1.850.635.794
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(1.608.217.109)	1.410.924.694
11	Giảm các khoản phải trả		(496.174.350)	(554.424.753)
12	Giảm chi phí trả trước		57.499.500	72.264.000
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	10	(41.954.397)	(1.250.237.043)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(135.712.548)	1.529.162.692
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		-	480.000.000
24	Tiền thu hồi từ cho vay		2.000.000.000	19.500.000.000
25	Tiền chi góp vốn vào công ty con		-	(7.000.000.000)
27	Tiền thu từ lãi cho vay và cổ tức		4.432.703.337	24.675.618.559
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6.432.703.337	37.655.618.559
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức đã trả	12.2	(19.784.187.050)	(32.149.961.900)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(19.784.187.050)	(32.149.961.900)
50	(Giảm) tăng thuần tiền và tương đương tiền trong kỳ		(13.487.196.261)	7.034.819.351
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		50.074.441.446	80.176.517.508
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	36.587.245.185	87.211.336.859

mmuyll

clabme



Vũ Thùy Minh Yến
Người lập

Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng

Yung Canh Meng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Siêu Thanh ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0302563707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 3 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 169/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 10 tháng 12 năm 2007.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là mua bán thiết bị văn phòng, máy photocopy, vật tư và phụ tùng ngành in, máy fax, thiết bị máy công nghiệp khai khoáng - lâm nghiệp - xây dựng và linh kiện phụ tùng; thiết bị điện, vật liệu điện, thiết bị chữa cháy và quản lý đầu tư.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số A20 Tân Phong Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 7 (31 tháng 12 năm 2016: 6).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 9. Công ty lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Các chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	46 năm
Nhà cửa	25 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.5 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.7 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỉ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày kết thúc kỳ kế toán trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.9 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tiền mặt	97.724	26.947.724
Tiền gửi ngân hàng	172.187.466	115.904.894
Các khoản tương đương tiền	36.414.959.995	49.931.588.828
TỔNG CỘNG	36.587.245.185	50.074.441.446

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với gốc kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng lãi suất dao động từ 4,7% đến 5,5% một năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ban Quản lý Dự án Phát triển Nông nghiệp bền vững Thành phố Cần Thơ	2.101.683.600	-
Các bên khác	121.000.000	524.850.001
TỔNG CỘNG	<u>2.222.683.600</u>	<u>524.850.001</u>

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Bên liên quan (Thuyết minh số 19)	5.000.000.000	7.000.000.000
Nhân viên	70.000.000	130.000.000
TỔNG CỘNG	<u>5.070.000.000</u>	<u>7.130.000.000</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Cổ tức	15.852.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	860.537.783	161.649.423
Khác	109.617.701	300.244.772
TỔNG CỘNG	<u>16.822.155.484</u>	<u>461.894.195</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Bên liên quan (Thuyết minh số 19)</i>	<i>15.852.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Các bên khác</i>	<i>970.155.484</i>	<i>461.894.195</i>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	VND		
	Nhà cửa	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và 30 tháng 6 năm 2017	35.354.686.751	62.751.340.860	98.106.027.611
<i>Trong đó:</i>			
Đã hao mòn hết	1.461.421.000	-	1.461.421.000
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	11.047.990.379	5.376.180.000	16.424.170.379
Hao mòn trong kỳ	677.862.774	537.618.000	1.215.480.774
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	11.725.853.153	5.913.798.000	17.639.651.153
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	24.306.696.372	57.375.160.860	81.681.857.232
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	23.628.833.598	56.837.542.860	80.466.376.458

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2017. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê thực tế, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Các khoản doanh thu liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày trong Thuyết minh số 13.1.

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30 tháng 6 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	cổ phiếu	VND	cổ phiếu	VND
Đầu tư vào các công ty con (i)		137.312.000.000		137.312.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.080.800.000		8.080.800.000
<i>Trong đó:</i>				
Công ty Cổ phần Điện Cơ	258.900	3.580.800.000	258.900	3.580.800.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Điện lực TP HCM	450.000	4.500.000.000	450.000	4.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.484.656.481)		(1.500.883.268)
TỔNG CỘNG		142.908.143.519		143.891.916.732

025
CỘNG
CỔ
PHẦN
SIÊU
THANH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

(i) Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	VND			
	30 tháng 6 năm 2017		31 tháng 12 năm 2016	
	Vốn đầu tư	%	Vốn đầu tư	%
Công ty Cổ phần Thiết bị Văn phòng Siêu Thanh	79.200.000.000	90,00	79.200.000.000	90,00
Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh	28.520.000.000	55,06	28.520.000.000	55,06
Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh	22.592.000.000	58,23	22.592.000.000	58,23
Công ty Cổ phần Nam Thanh Sài Gòn	7.000.000.000	70,00	7.000.000.000	70,00
TỔNG CỘNG	137.312.000.000		137.312.000.000	

Công ty Cổ phần Thiết bị Văn phòng Siêu Thanh (“TBVP Siêu Thanh”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0312992783 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 10 năm 2014 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của TBVP Siêu Thanh là mua bán thiết bị văn phòng, máy fax, máy photocopy, vật tư và phụ tùng ngành in.

Công ty Cổ phần Ô tô Kim Thanh (“Ô tô Kim Thanh”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103010901 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Ô tô Kim Thanh là đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo trì xe ô tô; đại lý mua bán linh kiện, phụ tùng xe ô tô.

Công ty Cổ phần Ô tô Cường Thanh (“Ô tô Cường Thanh”), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0305273107 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 10 năm 2007 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Ô tô Cường Thanh là đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; mua bán, sửa chữa, bảo hành, bảo trì xe ô tô; đại lý mua bán linh kiện, phụ tùng xe ô tô.

Công ty Cổ phần Nam Thanh Sài Gòn (“Nam Thanh Sài Gòn”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo GCNĐKKD số 0313525196 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 11 năm 2015, và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính của Nam Thanh Sài Gòn là kinh doanh và lắp đặt máy điều hòa không khí, các sản phẩm điện lạnh, thang máy và máy phát điện.

32
T
IA
IH
HC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 18.1)	(106.472.251)	292.431.238	(41.954.397)	144.004.590
Thuế thu nhập cá nhân	756.507.596	1.111.695.297	(1.164.587.156)	703.615.737
Thuế giá trị gia tăng	87.727.819	521.835.709	(515.135.109)	94.428.419
TỔNG CỘNG	<u>737.763.164</u>	<u>1.925.962.244</u>	<u>(1.721.676.662)</u>	<u>942.048.746</u>
<i>Trong đó:</i>				
Thuế nộp thừa	(106.472.251)			-
Thuế phải trả	844.235.415			942.048.746

11. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	290.696.832	380.476.522
Nhận ký quỹ, ký cược	205.637.960	280.637.960
Thu hộ	65.634.147	81.774.237
Cổ tức phải trả	19.424.725	18.064.325
Dài hạn	1.083.771.000	1.083.771.000
Nhận ký quỹ, ký cược	1.083.771.000	1.083.771.000
TỔNG CỘNG	<u>1.374.467.832</u>	<u>1.464.247.522</u>

Công ty Cổ phần Siêu Thanh

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

12.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
						VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	165.492.090.000	2.572.620.000	(2.206.190.840)	17.682.346.542	137.411.220.941	320.952.086.643
Phát hành cổ phiếu thường	32.363.400.000	(366.429.160)	-	(17.682.346.542)	(14.314.624.298)	-
Phát hành cổ phiếu quỹ	-	(2.206.190.840)	2.206.190.840	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	25.539.789.711	25.539.789.711
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(32.976.418.000)	(32.976.418.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	197.855.490.000	-	-	-	115.659.968.354	313.515.458.354
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	197.855.490.000	-	-	-	79.674.195.497	277.529.685.497
Phát hành cổ phiếu thường (*)	59.353.530.000	-	-	-	(59.353.530.000)	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	19.555.432.448	19.555.432.448
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-	(19.785.549.000)	(19.785.549.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	257.209.020.000	-	-	-	20.090.548.945	277.299.568.945

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên 2017 ngày 18 tháng 4 năm 2017, cổ đông của Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành 5.935.353 cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu bằng 30% mệnh giá bằng nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Theo đó, Công ty đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu trên vào ngày 21 tháng 6 năm 2017, và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy CNĐKKD điều chỉnh lần thứ 21 ngày 4 tháng 7 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

12.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Vốn cổ phần		
Vốn đầu kỳ	197.855.490.000	165.492.090.000
Tăng trong kỳ	59.353.530.000	32.363.400.000
Vốn cuối kỳ	257.209.020.000	197.855.490.000
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	19.785.549.000	32.976.418.000
Cổ tức đã trả	19.784.187.050	32.149.961.900

12.3 Cổ phiếu

	Số cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	25.720.902	19.785.549
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	25.720.902	19.785.549
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	25.720.902	19.785.549

13. DOANH THU

13.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Tổng doanh thu	5.995.995.632	3.874.909.090
<i>Trong đó:</i>		
Tiền cho thuê	3.790.363.636	3.763.090.908
Doanh thu cung cấp dịch vụ	110.000.000	111.818.182
Doanh thu bán hàng hóa	2.095.631.996	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	(185.010.545)	-
DOANH THU THUẦN	5.810.985.087	3.874.909.090
<i>Trong đó:</i>		
Các bên liên quan	2.180.727.270	2.180.727.270
Các bên khác	3.630.257.817	1.694.181.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. DOANH THU (tiếp theo)

13.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	18.692.000.000	22.652.000.000
Lãi tiền gửi	1.401.983.865	2.142.850.563
Khác	6.697.568	34.293.946
TỔNG CỘNG	<u>20.100.681.433</u>	<u>24.829.144.509</u>

14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn cho thuê (Thuyết minh số 8)	1.215.480.774	1.135.488.774
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.902.593.129	-
TỔNG CỘNG	<u>3.118.073.903</u>	<u>1.135.488.774</u>

15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) giảm giá đầu tư	983.773.213	(874.188.790)

16. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí lương	971.534.774	950.830.454
Chi phí khấu hao	-	104.960.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	210.366.693	226.089.944
Khác	835.054.251	164.511.795
TỔNG CỘNG	<u>2.016.955.718</u>	<u>1.446.392.193</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.902.593.129	-
Chi phí lương	971.534.774	950.830.454
Chi phí hao mòn (<i>Thuyết minh số 8</i>)	1.215.480.774	1.240.448.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	210.366.693	226.089.944
Chi phí khác	835.054.251	546.554.895
TỔNG CỘNG	<u>5.135.029.621</u>	<u>2.963.924.067</u>

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ bằng 20% thu nhập chịu thuế (Năm 2016: 20%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

18.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và tổng lợi nhuận kế toán trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>19.847.863.686</u>	<u>26.348.284.976</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	3.969.572.737	5.269.656.995
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Cổ tức nhận được	(3.738.400.000)	(4.530.400.000)
Các khoản thanh toán không liên quan đến thu nhập chịu thuế	61.258.501	69.238.270
Chi phí thuế TNDN	<u>292.431.238</u>	<u>808.495.265</u>

18.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty có liên quan trong kỳ được trình bày như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
TBVP Siêu Thanh	Công ty con	Cổ tức	15.840.000.000	19.800.000.000
		Cho thuê văn phòng	228.000.000	228.000.000
		Mua hàng hóa	1.902.593.129	-
Ô tô Kim Thanh	Công ty con	Thu hồi khoản cho vay	35.700.000.000	3.000.000.000
		Cổ tức	2.852.000.000	2.852.000.000
Ô tô Cường Thanh	Công ty con	Thu hồi khoản cho vay	43.500.000.000	44.500.000.000
		Cho vay	41.500.000.000	25.000.000.000
		Cho thuê văn phòng	1.952.727.270	1.952.727.270
Nam Thanh Sài Gòn	Công ty con	Góp vốn	-	7.000.000.000

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong kỳ như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lương và các lợi ích khác	<u>1.128.000.000</u>	<u>1.128.000.000</u>

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải thu cho vay ngắn hạn</i>				
Ô tô Cường Thanh	Công ty con	Cho vay	<u>5.000.000.000</u>	<u>7.000.000.000</u>
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>				
TBVP Siêu Thanh	Công ty con	Cổ tức	13.000.000.000	-
Ô tô Kim Thanh	Công ty con	Cổ tức	<u>2.852.000.000</u>	-
TỔNG CỘNG			<u>15.852.000.000</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày


20. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:


	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Dưới 1 năm	2.640.000.000	2.640.000.000
Từ 1 đến 5 năm	1.100.000.000	2.420.000.000
TỔNG CỘNG	3.740.000.000	5.060.000.000

21. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngoài sự kiện được trình bày ở Thuyết minh số 12.1, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Vũ Thùy Minh Yến
Người lập



Đinh Thị Hồng Vân
Kế toán trưởng




Yung Cam Meng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2017